

Phụ lục II

ĐỀ ÁN MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KINH TẾ VÀ PTNT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM

NGÀNH: KINH TẾ SỐ MÃ SỐ: 7310112

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ VÀ KINH DOANH SỐ

BẬC ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC

1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

1.1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

Học viện Nông nghiệp Việt Nam (trước đây là Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội) là trường công lập trọng điểm quốc gia, trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, thành lập ngày 12/10/1956. Đến nay Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã trở thành đại học top 3 của Việt Nam, top 50 các trường đại học hàng đầu Đông Nam Á và lọt top 20 tổ chức ở Việt Nam có nhiều công bố quốc tế nhất.

Qua 65 năm xây dựng và trưởng thành, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã đào tạo cho xã hội trên 100.000 kỹ sư và cử nhân, hơn 10.000 thạc sĩ và trên 560 tiến sĩ. Các kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ tốt nghiệp từ Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã và đang làm việc trên mọi miền đất nước ở các vị trí công tác khác nhau và góp phần to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, phát triển sản xuất nông nghiệp hiện đại, bền vững và nông thôn Việt Nam văn minh, giàu đẹp.

Đào tạo

Hiện nay, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đang đào tạo 52 ngành trình độ đại học, 34 chuyên ngành trình độ cao học và 19 chuyên ngành trình độ tiến sĩ. Các loại hình đào tạo đại học hiện nay của Học viện bao gồm: hệ chính quy, hệ không chính quy, đào tạo bằng thứ 2, hoàn chỉnh kiến thức và các loại hình đào tạo khác. Đặc biệt, trong số các

chương trình đào tạo bậc đại học, Học viện có 02 chương trình đào tạo tiên tiến và 03 chương trình đào tạo chất lượng cao được đào tạo bằng tiếng Anh, 08 ngành đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE). Quy mô sinh viên ở hệ đại học là 34.000 sinh viên. Thực tế cho thấy trong những năm gần đây số người học đại học nói chung và nông nghiệp nói riêng ngày một tăng. Kết quả là quy mô tuyển sinh và quy mô đào tạo của Học viện cũng tăng theo. Tuy nhiên chất lượng đào tạo không vì thế mà giảm xuống, trái lại vẫn được duy trì và nâng cao do Học viện đã có các chiến lược phát triển đào tạo, phát triển nhân lực đúng đắn, khoa học và thực hiện các giải pháp hữu hiệu như: hoàn thiện và xây dựng các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ với các định hướng liên ngành, đa ngành và định hướng nghề nghiệp; xây dựng hệ thống học liệu và trang thiết bị phục vụ đào tạo tiên tiến; đổi mới phương pháp dạy và học; phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng; quy hoạch đội ngũ cán bộ công chức chú trọng việc nâng cao chất lượng nhân lực trong tuyển dụng và bồi dưỡng năng lực toàn diện. Học viện luôn chủ động nắm bắt nhu cầu xã hội, nhu cầu thị trường lao động để định hướng xây dựng và mở các chương trình đào tạo mới bên cạnh những ngành đào tạo truyền thống của Học viện.

Khoa học công nghệ

Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, Học viện đã tạo ra 19 giống cây trồng và vật nuôi, 05 tiến bộ kỹ thuật được công nhận quốc gia, 02 bằng độc quyền sáng chế, các mô hình sản xuất và quản lý mới, phục vụ có hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Học viện là cơ sở nghiên cứu đầu tiên tạo ra giống lúa cải tiến, giống lúa lai, cà chua lai, giống lợn lai F1. Học viện ký kết nhiều hợp đồng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ với các tỉnh thành, doanh nghiệp trong cả nước. Bên cạnh đó, Học viện cũng đẩy mạnh công bố các kết quả nghiên cứu, đặc biệt trên các tạp chí quốc tế. Giai đoạn 2010-2014, Học viện được đánh giá là một trong 20 tổ chức có công bố quốc tế nhiều nhất của Việt Nam.

Hợp tác quốc tế

Trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, Học viện xây dựng và có quan hệ hợp tác với hơn 100 trường ĐH, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế ở các nước trên thế giới như Bỉ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Trung Quốc,

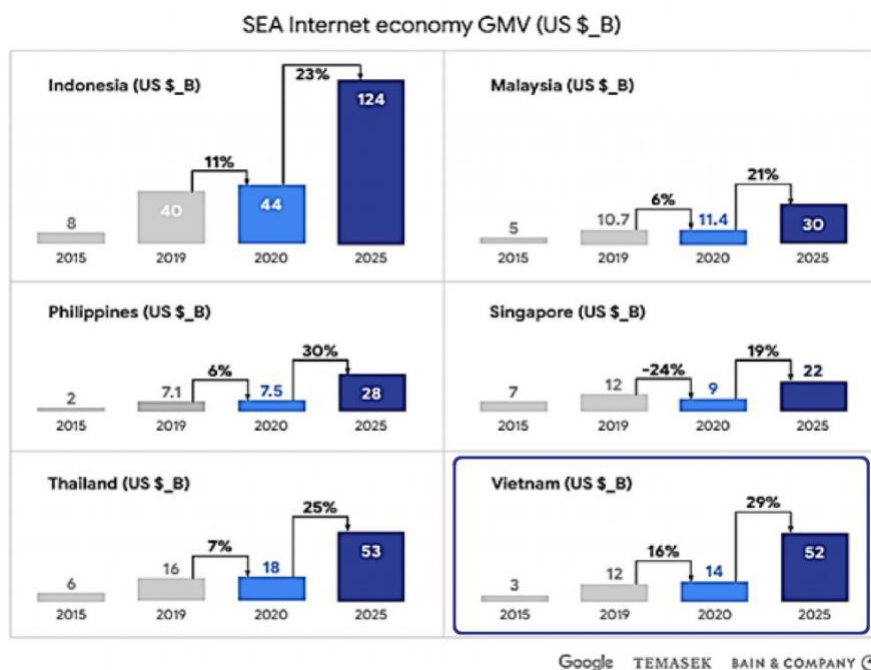
Học viện bắt đầu đào tạo sinh viên quốc tế từ những năm 1960. Đến nay, Học viện đã đào tạo được 247 sinh viên tốt nghiệp đại học, 97 thạc sĩ và 16 tiến sĩ đến từ nhiều nước

trên thế giới như: Lào, Campuchia, Mozambique ... trong số đó, có nhiều người hiện đang nắm giữ các vị trí quan trọng và có đóng góp to lớn cho sự phát triển nông nghiệp, kinh tế xã hội của nước họ.

Trong giai đoạn từ 2012 đến tháng 6 năm 2018, Học viện có gần 218 sinh viên quốc tế học toàn phần và 620 sinh viên trao đổi đến từ các quốc gia như: Lào, Campuchia, Angola, Hàn Quốc, Astralia, Nhật Bản, v.v.

1.2 Đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của ngành Kinh tế số

Kinh tế số là xu hướng tất yếu trong thời kỳ bùng nổ của cuộc Cách mạng 4.0. Ứng dụng nền tảng kỹ thuật số để phát triển kinh tế bắt kịp với xu hướng thời đại ngày càng cấp thiết ở mọi cấp độ từ cá nhân, doanh nghiệp, tập đoàn đến quốc gia nếu không muốn tụt lại phía sau. Điều này yêu cầu cần có nguồn nhân lực kinh tế số có đủ năng lực để xây dựng và quản lý các mô hình sản xuất, kinh doanh trên nền tảng công nghệ tiên tiến, phát triển chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu.



Hình 1: Nền kinh tế số Việt Nam được dự báo sẽ đạt 52 tỉ đôla Mỹ vào năm 2025, với tốc độ tăng trưởng hàng đầu khu vực Đông Nam Á

(Nguồn: <https://economysea.withgoogle.com/>)

Để có căn cứ thực tiễn đề xuất xây dựng chương trình đào tạo ngành Kinh tế số, Học viện đã triển khai khảo sát đại diện các tổ chức/đơn vị sử dụng lao động ngành Kinh tế số,

các tổ chức công giới, giảng viên và sinh viên hiểu về chương trình đào tạo ngành Kinh tế số. Sự đồng thuận cao từ các đại diện đơn vị sử dụng lao động cũng như các thành phần kinh tế khác nhau trên thị trường về nhu cầu mới của thị trường Việt Nam hiện nay cũng như xu hướng thế giới cho thấy ngành đào tạo Kinh tế số là rất cần thiết và phù hợp trong bối cảnh hiện nay và tương lai.

1.3 Kết quả đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ đối với những ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo của cơ sở đào tạo

Giới thiệu về Khoa chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành Kinh tế số

Thông tin về Khoa:

- | | |
|---------------------------|---|
| - Tên Khoa | Kinh tế và Phát triển Nông thôn |
| - Tên giao dịch tiếng Anh | Faculty of Economics and Rural Development |
| - Địa chỉ | Tầng 4, Nhà Hành chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội |
| - Số điện thoại | (04) 38276522 |
| - Website | https://ktptnt.vnua.edu.vn/ |
| - E-mail | ktptnt@vnua.edu.vn |
| - Năm thành lập | 1961 |
| - Người đại diện | PGS. TS Nguyễn Thị Minh Hiền |
| - Chức vụ | Trưởng Khoa |

Khoa Kinh tế và PTNT là một trong những khoa lớn của Học viện Nông nghiệp Việt Nam, được thành lập năm 1961 với 5 cán bộ trong một tổ bộ môn. Năm 1963 sau khi kết hợp với trường HTX Nông nghiệp trung ương, Khoa Kinh tế Nông nghiệp đã chính thức được ra đời với 20 cán bộ, trong đó trình độ cao nhất là đại học với 3 bộ môn truyền thống là Kinh tế nông nghiệp, Tổ chức quản lý xí nghiệp và Thống kê (Thống kê - Kế hoạch - Kế toán). Năm 1996 Khoa đổi tên thành Khoa Kinh tế & PTNT để phù hợp với hướng đào tạo đa ngành và đáp ứng nhu cầu xã hội trong phát triển nguồn nhân lực. Hiện tại, Khoa có 6 bộ

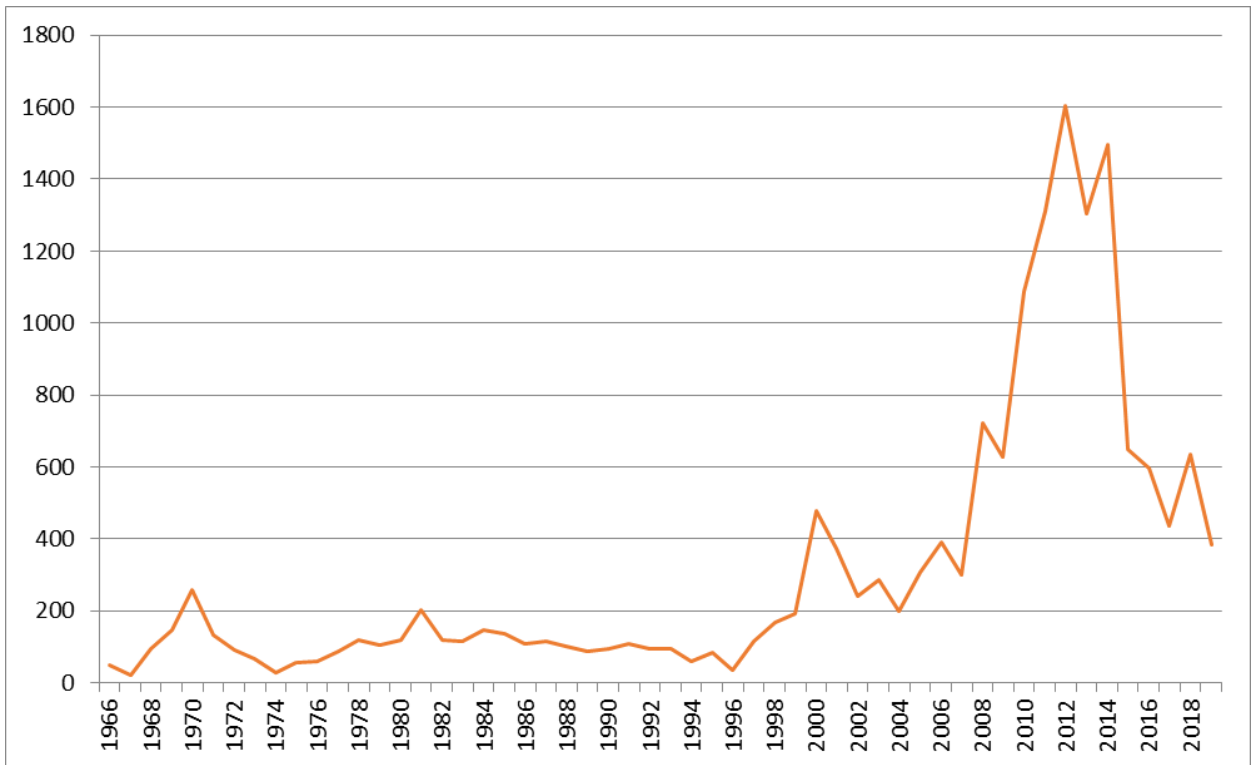
môn bao gồm Kinh tế, Kinh tế tài nguyên và môi trường, Kinh tế nông nghiệp và chính sách, Phân tích định lượng, Phát triển nông thôn và Kế hoạch và đầu tư). Khoa hiện có 90 giáo viên và cán bộ phục vụ có trình độ chuyên môn cao. Trong đó, có 2 giáo sư và 14 phó giáo sư, trên 40% có trình độ tiến sĩ. Nhiều giảng viên của Khoa đạt trình độ quốc tế, năng lực ngoại ngữ tốt. Phần lớn được đào tạo bài bản về kinh tế thị trường và khoa học phát triển ở các nước như Philipin, Thái Lan, Bungari, Nga, Nhật, Úc, Bỉ, Đức, Anh và Mỹ...

Khoa đào tạo ở cả 3 cấp bậc: Đại học, Cao học và Tiến sĩ. Cụ thể, Khoa đào tạo đại học cho 6 ngành: 1) Kinh tế nông nghiệp; 2) Kinh tế; 3) Kinh tế đầu tư; 4) Kinh tế tài chính; 5) Quản lý kinh tế; 6) Phát triển nông thôn và 7) Quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Phối hợp với các khoa khác, đào tạo đại học cho các chuyên ngành liên quan khác. Bên cạnh các ngành thông thường Khoa có một lớp Kinh tế nông nghiệp chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh với chương trình đạt chuẩn quốc tế và khu vực; Một lớp Phát triển nông thôn theo định hướng nghề nghiệp (PTNT-POHE) gắn kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn quản lý phát triển cộng đồng nông thôn. Về đào tạo thạc sĩ, có 3 ngành gồm: 1) Kinh tế nông nghiệp, 2) Quản lý kinh tế và 3) Phát triển nông thôn. Về đào tạo tiến sĩ, Khoa đào tạo ở 3 ngành: 1) Kinh tế nông nghiệp, 2) Kinh tế phát triển và 3) Quản trị nguồn nhân lực.

Ngoài hệ thống cơ sở vật chất dùng chung trong Học viện, Khoa có 1 thư viện với hơn 10.000 đầu sách tiếng Việt, Anh, Nga và Đức và được trang bị hệ thống tìm kiếm điện tử, 4 phòng máy gồm hàng trăm máy tính phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu, các phòng hội thảo được trang bị các thiết bị hiện đại và trang Web để giới thiệu thông tin.

Trong 60 năm qua, Khoa đã đào tạo cho xã hội nhiều thế hệ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực kinh tế, quản lý kinh tế, kinh tế nông nghiệp và PTNT. Khoa đã thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh và địa phương, nhiều đề tài dự án quốc tế. Nhiều cựu sinh viên của Khoa rất thành đạt đang giữ các cương vị chủ chốt ở các trường đại học, viện nghiên cứu, các địa phương, các bộ ngành, các tổ chức trong nước và quốc tế, đã và đang đóng góp hiệu quả cho sự phát triển kinh tế xã hội.

Kết quả đào tạo sinh viên ngành các ngành Kinh tế, Kinh tế nông nghiệp và PTNT từ trong giai đoạn 1966-2019 như sau:



Biểu đồ 1. Thống kê số lượng sinh viên Khoa Kinh tế và PTNT giai đoạn 1966 - 2019

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp trong giai đoạn 1966 – 2019 luôn đạt ở mức cao 95-100%. Tỉ lệ sinh viên có việc làm sau ra trường cũng ở mức cao so với mặt bằng chung các ngành trong Học viện và các ngành kinh tế tại các Trường khác.

Về cơ sở vật chất:

- Học viện có 103 giảng đường, 15 phòng học ngoại ngữ phục vụ với đầy đủ trang thiết bị (ánh sáng, âm thanh, máy chiếu), và 10 phòng máy gồm hàng trăm máy tính phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu.

- Khoa có 1 thư viện với hơn 12.000 đầu sách tiếng Việt, Anh, Nga và Đức và được trang bị hệ thống tìm kiếm điện tử, các phòng hội thảo được trang bị các thiết bị hiện đại và trang Web để giới thiệu thông tin.

- Để phục vụ đào tạo các ngành, HVNNVN đã quan tâm và đầu tư thích đáng và xây dựng Trung tâm Thư viện Lương Định Của với:

- Tổng diện tích thư viện: trên 2000 m²
- Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 120 máy
- Phần mềm quản lý thư viện (nếu có): Libol 6.0

Thư viện học viện đã áp dụng các chuẩn nghiệp vụ quốc tế tiên tiến như chuẩn biên mục MARC21, Quy tắc mô tả Anh - Mỹ AAR2, Bảng phân loại Dewey DDC trong công tác xử lý tài liệu. Trung tâm cũng là một trong những đơn vị đầu tiên trong các học viện đại học triển khai xây dựng bộ sưu tập số phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ.

- Nguồn lực thông tin hiện nay của Thư viện của học viện hiện có:

+ Tài liệu in: Trên 37.000 tên sách bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; Trên 2.500 tên báo và tạp chí trong và ngoài nước; 2.400 bản tài liệu tra cứu; gần 8.000 luận án Tiến sỹ và luận văn Thạc sỹ.

+ Tài liệu điện tử: 01 bộ sưu tập số với gần 12.000 dữ liệu toàn văn; 9 CSDL trực tuyến; 6 CSDL trên đĩa CD-ROM.

Website của Học viện và của Khoa được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, công khai thu chi tài chính.

2. Luận cứ mở chương trình đào tạo thí điểm

- Lí do đề nghị mở chương trình đào tạo.

Trước khi đi đến kế hoạch xây dựng và phát triển Chương trình đào tạo Kinh tế số, Khoa Kinh tế và PTNT đã tiến hành những nghiên cứu, khảo sát, hội thảo, tham luận với các doanh nghiệp, các Sở, ban ngành của các tỉnh thành phố thuộc Đồng bằng sông Hồng, với các trường Đại học có uy tín của quốc tế, và với các tổ chức quốc tế có mối quan hệ với Khoa. Kết quả khảo sát tại các tỉnh/thành phố năm 2020 cho thấy nhu cầu sử dụng lực lượng lao động có trình độ đại học ngành Kinh tế số chất lượng cao là rất lớn.

Đặc biệt, trong thời kỳ bùng nổ của cuộc Cách mạng 4.0, kinh tế số gắn với công nghệ hiện đại như: Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, tài sản số... là xu thế tất yếu và đang lan tỏa, có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Điều này yêu cầu cần thiết phải có đội ngũ chuyên gia kinh tế số có đủ năng lực để xây dựng và quản lý các mô hình sản xuất, kinh doanh trên nền tảng công nghệ tiên tiến, phát triển chuỗi giá trị công nghệ toàn cầu.

Qua tham vấn một số cơ quan chính phủ, tư nhân, tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam, vấn đề thiếu hụt đội ngũ cử nhân Kinh tế số có chất lượng trong bối cảnh hiện nay là rất đáng quan tâm. Sự thiếu hụt đội ngũ cử nhân Kinh tế số không những vững chuyên môn mà còn sử dụng thành thạo ngoại ngữ, và đặc biệt là có tư duy và tác phong chuyên nghiệp như các nước phát triển đặt ra vấn đề cấp thiết cần được đáp ứng.

- Các căn cứ pháp lý cho phép mở chương trình.

Để xây dựng chương trình đào tạo ngành Kinh tế số đã thực hiện theo đúng quy trình mở chương trình đào tạo theo:

+ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy;

+ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

+ Quyết định 1400/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020";

+ Quyết định 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

+ Luật giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012.

+ Quyết định 38/2009/QĐ-TTg ngày 09 tháng 03 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bảng danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Thông tư 14/2010/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 04 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ cao đẳng, đại học.

+ Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 2 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ

tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng.

Thông tư số 23/2014/BGD-ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 18/07/2014 Ban hành Quy định về Đào tạo chất lượng cao trình độ Đại học;

+ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo.

- Luận cứ khoa học về ngành/chuyên ngành đào tạo mới: Hoàn toàn phù hợp về lý thuyết kinh tế cũng như quản lý kinh tế và thị trường.

- Khả năng đưa vào Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước; đề xuất phương án về mã số của ngành/chuyên ngành sau thời hạn đào tạo thí điểm (đối với chuyên ngành thí điểm): Hoàn toàn khả thi

3. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam về ngành/chuyên ngành xin mở

a) Tình hình đào tạo trên thế giới:

- Tình hình đào tạo: Hiện tại, trên thế giới đã có nhiều trường đại học lớn bắt đầu đào tạo các khóa học ngắn hạn hay chương trình sau đại học (chủ yếu là cao học) về kinh tế số hoặc chuyển đổi số cho doanh nghiệp hay các ngành liên quan khác. Tuy nhiên, chưa thực sự có các trường đại học lớn nào chính thức tổ chức đào tạo ngành Kinh tế số ở bậc đào tạo đại học. Một số trường đại học hàng đầu thế giới có tổ chức đào tạo sau đại học và/hoặc ngắn hạn có thể nhắc đến là MIT (Hoa Kỳ), Monash (Australia), King's College London (Vương quốc Anh), Đại học Toulouse 1 (Pháp)... Đặc biệt, việc đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế số hay kinh doanh số cũng được một số trường tiên phong thực hiện như Đại học NORD (Na Uy), Đại học Brunei Darussalam (Brunei Darussalam).

- Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới. Thống kê 3 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) chuyên ngành xin mở theo bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành/chuyên ngành

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1	Norway	Đại học NORD	Cử nhân kinh tế số và quản lý (Bachelor of Digital Economy and Organization)	Đại học		Cử nhân	https://www.nord.no/en/Student/studyplans/2019h/Pages/INSBA.aspx#&acd=h-52105e0a-00da-477a-8a5e-ba1ab07a4919
2	Brunei Darussalam	Đại học Brunei	Cử nhân kinh tế số (BSc in Digital Economy)	Đại học		Cử nhân	https://ubd.edu.bn/c3l/bsc-in-digitaconomy.html
3	CHLB Đức	Đại học quốc tế Berlin	Cử nhân quản lý và kinh doanh số (Bachelor of Digital Business and Management)	Đại học		Cử nhân	https://berlininternational.de/en/programs/digital-business-and-management

b) Tình hình đào tạo ở Việt Nam

- Tình hình đào tạo: Tại Việt Nam, hiện có rất ít các chương trình đào tạo trực tiếp về kinh tế số mà chủ yếu là các ngành có liên quan. Trường Đại học Kinh tế quốc dân là trường tiên phong đào tạo cử nhân Kinh doanh số (Digital Business) nhằm tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào các kiến thức cơ bản, hiện đại về quản trị kinh doanh, có kiến thức nền tảng và kỹ năng vận dụng các phương pháp tiếp cận và công cụ số trong quản trị các tổ chức kinh doanh, có năng lực tiếng Anh để làm việc hiệu quả trong môi trường toàn cầu và bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

- Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. Thống kê 3 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) chuyên ngành xin mở theo bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành/chuyên ngành ...

STT	Cơ sở đào tạo	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Cử nhân Kinh doanh số (Digital Business)	Đại học	Các kiến thức cơ bản, hiện đại về quản trị kinh doanh, có kiến thức nền tảng và kỹ năng vận dụng các phương pháp tiếp cận và công cụ số trong quản trị các tổ chức kinh doanh, có năng lực tiếng Anh	Cử nhân	https://bsneu.neu.edu.vn/chuongtrinh/chuong-trinh-e-bdb/
2						

4. Tuyển sinh cho chương trình xin mở

- Điều kiện dự tuyển: ghi rõ điều kiện văn bằng, thâm niên công tác, bổ sung kiến thức (nếu có).

Mọi công dân thuộc mọi thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, tôn giáo không hạn chế tuổi có trình độ văn hóa; Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Có đủ sức khỏe học tập và lao động; Không trong thời kỳ bị kỷ luật hoặc truy cứu hình sự, bị truy tố hay trong thời gian thi hành án; và không vi phạm các quy định khác do Nhà nước ban hành đều được quyền dự thi vào ngành Kinh tế số.

- Nguồn tuyển sinh: dự kiến nguồn tuyển sinh từ Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo tổ chức cũng như người học từ nước ngoài có đủ điều kiện. Đào tạo văn bằng 2 cho sinh viên các ngành/chuyên ngành của Học viện, xét điểm theo tổ hợp các môn để có thể mở 2 ngành học song song.

- Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi)

Mã trường	Mã nhóm ngành	Tổ hợp tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh
HVN	HVN12	A00: Toán, Vật lí, Hóa học C04: Ngữ văn, Địa lí, Toán D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa lí, Tiếng Anh	– Tuyển thẳng: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo + theo quy định của Học viện – Xét học bạ lớp 11 hoặc lớp 12: Ba môn trong tổ hợp xét tuyển ≥ 18 điểm – Xét điểm thi THPT quốc gia năm 2021: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho chương trình xin mở

Điều kiện đảm bảo chất lượng được dựa theo các Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cụ thể gồm các nội dung chính sau:

5.1. Về đội ngũ cán bộ, giảng viên:

a) Đội ngũ cán bộ tham gia giảng dạy chương trình:

Số giảng viên cơ hữu: 48, thỉnh giảng: 00;

Trong đó: Số GS: 01, PGS: 05, TS: 26, ThS: 16, CN: 00

Trích ngang về đội ngũ cán bộ (theo Phụ lục III - Mẫu 1):

Mẫu 1: Đội ngũ cán bộ tham gia đào tạo về chuyên ngành xin mở thuộc biên chế của Học viện

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ, cơ quan công tác hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SĐH (năm, Cstdt)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Đỗ Kim Chung, 1956, Giảng viên cao cấp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Giáo sư, 2006	Tiến sĩ, Thái Lan, 1994	Kinh tế	1994, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 15; Bài báo khoa học: 118
2	Mai Thanh Cúc, 1958, Giảng viên cao cấp, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Phó giáo sư, 2009	Tiến sĩ, Philippin, 2002	Kinh tế	2002, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 27; Bài báo khoa học: 24
3	Phạm Văn Hùng; 1963; Giảng viên cao cấp; Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Phó giáo sư, 2012	Tiến sĩ, Úc, 2006	Kinh tế	2006, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 14; Bài báo khoa học: 18
4	Mai Lan Phương, 1979, Giảng viên chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Tiến sĩ, Vương quốc Bỉ, 2014	Kinh tế nông thôn	2017, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 6; Bài báo khoa học: 11
5	Lê Thị Thanh Loan, 1985, Giảng viên chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2017	Kinh tế nông nghiệp và nguồn lực	2019, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 9; Bài báo khoa học: 13
6	Dương Nam Hà, 1985, Giảng viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Tiến sĩ, Úc, 2020	Kinh tế và chuỗi giá trị	2020, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 6; Bài báo khoa học: 11
7	Nguyễn Thị Thiêm, 1980, Giảng viên chính, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế nông nghiệp	2020, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Đề tài: 4; Bài báo khoa học: 12
8	Nguyễn Anh Đức,		Thạc sĩ,	Lương		Đề tài: 5;

	1989, Giảng viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Úc, 2016 (NCS, chờ nhận bằng 2021)	thực toàn cầu và kinh doanh nông nghiệp		Bài báo khoa học: 10
9	Trần Trung Hiếu, 1985, Giảng viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Công nghệ thông tin		Đề tài: 4; Bài báo khoa học: 2
10	Ngọc Minh Châu, 1979, Giảng viên, Học viện Nông nghiệp Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2005	Toán học		Đề tài: 2; Bài báo khoa học: 8

Lí lịch khoa học, bản sao văn bằng cao nhất của đội ngũ cán bộ: Xin xem Phụ lục đính kèm trong hồ sơ.

b) Thành tích NCKH của đội ngũ cán bộ (theo Phụ lục III - Mẫu 6).

Mẫu 6: Các công trình KH đã công bố trong 5 năm trở lại đây phù hợp với chuyên ngành xin mở của cán bộ thuộc biên chế của Học viện (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

Số TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Nông nghiệp 4.0 : Bản chất, xu hướng và một số gợi ý chính sách	Đỗ Kim Chung	Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam, Tập 15 số 11, trang 1456-1466
2	Nông nghiệp thông minh: Các vấn đề đặt ra và giải pháp chính sách	Đỗ Kim Chung	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 6(481), trang 28-37
3	Kinh nghiệm quốc tế về phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	Mai Thanh Cúc	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, 526, tr. 30-32
4	Chính sách phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	Mai Thanh Cúc	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 32(714), tr. 122-124

5	Tổng quan các nghiên cứu về nông nghiệp thông minh: Kết quả ban đầu	Phạm Văn Hùng	Kỷ yếu hội thảo “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thời kỳ 4.0”
6	Quantitative value chain approaches for animal health and food safety	Phạm Văn Hùng	Food Microbiology. Vol.75, pp.103-113
7	Tổng quan các nghiên cứu về nông nghiệp thông minh: Kết quả ban đầu	Dương Nam Hà	Kỷ yếu hội thảo “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thời kỳ 4.0”
8	Quantitative value chain approaches for animal health and food safety	Dương Nam Hà	Food Microbiology. Vol.75, pp.103-113
9	Ứng dụng công nghệ cao trong ngành thủy sản: Nghiên cứu điển hình tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Lê Thị Thanh Loan	Kỷ yếu hội thảo “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thời kỳ 4.0”
10	Modeling home composting behavior toward sustainable municipal organic waste management at the source in developing countries	Lê Thị Thanh Loan	Resources, Conservation and Recycling, Volume 140, pp. 65-71
11	Quản trị nhân sự doanh nghiệp ngoài nhà nước Việt Nam dưới tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 trong hội nhập kinh tế quốc tế	Mai Lan Phương	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương
12	Ứng dụng nông nghiệp thông minh về khí hậu nhằm quản lý rủi ro trong sản xuất nông nghiệp	Mai Lan Phương	Kỷ yếu hội thảo “Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thời kỳ 4.0”
13	Ứng dụng công nghệ cao	Nguyễn Thị	Kỷ yếu hội thảo “Đào

	trong ngành thủy sản: Nghiên cứu điển hình tại huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Thiên	tạo nguồn nhân lực đáp ứng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong thời kỳ 4.0”
14	Understanding Vietnamese Urban Consumers' Nutrition Label Use, Health Concerns, and Consumption of Food and Beverages with Added Sugars	Nguyễn Anh Đức	Nutrients. doi: 10.3390/nu12113335
15	International Trade and Agricultural Productivity: Evidences from Least Developed Countries	Nguyễn Anh Đức	Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam, 14 (11), 1597-1607
16	Fuzzy entropy based MOORA model for selecting material for mushroom in Viet Nam	Trần Trung Hiếu	I.J Information Engineering and Electronic Business, 2019, 5, 1-10
17	Áp dụng mô hình Moora và Copras để chọn nguyên liệu cho trồng nấm	Trần Trung Hiếu	Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam
18	Ứng dụng một số phương pháp xây dựng hàm phân loại trong cảnh báo sớm nguy cơ vỡ nợ của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	Ngọc Minh Châu	Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam
19	A new similarity measure of picture fuzzy sets and application in the fault diagnosis of steam turbine	Ngọc Minh Châu	Tạp chí I. J. Mathematical Sciences and Computing, Hồng Kông

5.2 Về hoạt động NCKH của đơn vị:

Tóm tắt về hoạt động NCKH của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thể hiện qua bảng trích ngang về các đề tài NCKH do đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thực hiện (theo Phụ lục III - **Mẫu 4**).

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo do giảng viên của khoa được giao nhiệm vụ đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	LIỆU NHỮNG “CÚ HÍCH” CÓ GIÚP CẢI THIỆN HÀNH VI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG? BẰNG CHỨNG THỰC NGHIỆM TỪ VIỆC CUNG CẤP THÔNG TIN TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHÂN LOẠI RÁC TẠI NGUỒN Ở VIỆT NAM	Đề tài cấp Bộ (Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia - NAFOSTED, Bộ Khoa học và Công nghệ) Mã số: 502.01-2020.318	(Đang thực hiện)	(Đang thực hiện)
2	NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN, TIÊU THỤ NÔNG SẢN	Đề tài cấp Bộ (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) Mã số ...	(Đang thực hiện)	(Đang thực hiện)
3	CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THÚC ĐẨY CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO	Đề tài cấp tỉnh/thành phố Mã số: 01X-10/02-2019-3		

	TRONG SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ RAU, QUẢ Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI			
4	NÔNG NGHIỆP HAY PHI NÔNG NGHIỆP - LỰA CHỌN ĐẦU TƯ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÚC LỢI CỦA NÔNG HỘ	Đề tài cấp Bộ (Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia - NAFOSTED, Bộ Khoa học và Công nghệ) Mã số: 502.02-2018.18	...	...
	NHẬN THỨC VÀ ỨNG XỬ CỦA NGƯỜI DÂN VỀ NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI GIA LỘC, HẢI DƯƠNG	Đề tài cấp Học viện Mã số: 02/KHCN-T2018-06-48	...	...
5	NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO GẮN VỚI LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC	Đề tài cấp tỉnh Mã số: 45/ĐTKHVP - 2017	...	...
6	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MỘT SỐ MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO TẠI HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH	Mã số: T2017-06-43		
7	NGHIÊN CỨU GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN	Đề tài cấp Bộ Mã số: B2014-11-48	...	...

	SỔ GIAO DỊCH HÀNG HÓA NÔNG SẢN Ở VIỆT NAM			
--	--	--	--	--

5.3. Về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo như: giảng đường (số lượng, diện tích), phòng thí nghiệm (tên, diện tích, trang thiết bị, ...), các cơ sở thực tập, thực tế; thư viện (số sách, tạp chí, học liệu); trang thiết bị, phương tiện giảng dạy... (theo Mẫu 2 và Mẫu 3, Phụ lục III).

Mẫu 2: Trang thiết bị phục vụ cho công tác đào tạo về chuyên ngành xin mở của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên môn học sử dụng thiết bị
1	Giảng đường Nguyễn Đăng (22 phòng học, diện tích 1500 m2): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		22 22 22	Các môn học lý thuyết
2	Giảng đường khu A (12 phòng, diện tích 600m2): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		10 10 10	Các môn học lý thuyết
3	Giảng đường khu B (18 phòng, diện tích 900m2): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		18 18 18	Các môn học lý thuyết
4	Giảng đường khu C (12 phòng, diện tích 600m2):			Các môn học lý thuyết

	- Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		12 12 6	
5	Giảng đường khu D (7 phòng, diện tích 420m ²):			Các môn học lý thuyết
6	Giảng đường T (6 phòng, diện tích 420m ²): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		6 6 6	Các môn học lý thuyết
7	Giảng đường khoa Cơ Điện (10 phòng, 700m ²): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		6 6 10	Các môn học lý thuyết
8	Giảng đường khoa Thú y (8 phòng, diện tích 560m ²): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		8 8 2	Các môn học lý thuyết
9	Giảng đường khoa Nông Học (8 phòng, diện tích 560m ²): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		8 8 6	Các môn học lý thuyết
10	Phòng học ngoại ngữ (15 phòng, diện tích 1050m ²):			Các môn học ngoại ngữ

	- Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		15 15 15	
11	Phòng tin học (10 phòng, diện tích 700m2): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh		10 400 10	Tin học
12	Nhà đa năng (1 nhà, diện tích 2800m2): - Máy chiếu đa năng - Máy tính để bàn - Thiết bị âm thanh - Dụng cụ thể thao		1 1 1 500	Thể dục

Mẫu 3: Sách, tạp chí phục vụ cho công tác đào tạo về chuyên ngành xin mở có trong thư viện của Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo và Trung tâm Thông tin Thư viện của Học viện

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên môn học sử dụng sách, tạp chí
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin	2016		Triết học Mác – Lênin
2	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin	2019		Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
3	Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm các môn khoa học Mác – Lênin	2018		Kinh tế chính trị Mác – Lênin
4	Triết học	2018		Kinh tế chính trị Mác – Lênin
5	Cẩm nang kinh tế học	2018		Kinh tế chính trị Mác –

				Lênin
6	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	2018		Chủ nghĩa xã hội khoa học
7	Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị Chủ nghĩa xã hội khoa học	2018		Chủ nghĩa xã hội khoa học
8	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	2017		Tư tưởng Hồ Chí Minh
9	Dự thảo Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
10	Speakout (2nd edition). Pre-intermediate Student's Book	2016		Tiếng Anh 1, 2
11	Demotivational factors of non-English major students in leaning English	2019		Tiếng Anh 1, 2
12	Giáo trình Tin học đại cương	2015		Tin học đại cương
13	Cơ sở dữ liệu 1	2011		Cơ sở dữ liệu
14	Database systems (7th edition)	2016		Cơ sở dữ liệu
15	Bài giảng Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm dành cho đại học	2019		Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm
16	Speaking with A Purpose (9th Edition)	2013		Giao tiếp công chúng
17	“Leadership Skills for Manager”	2004		Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định
18	Giáo trình Đại cương Địa lý kinh tế Việt Nam	2016		Địa lý kinh tế
19	Bài giảng Lịch sử kinh tế thế giới	2017		Nguyễn Tất Thắng
20	Giáo trình Kinh tế vĩ mô tập 1	2010		Kinh tế vĩ mô I
21	Giáo trình Kinh tế vĩ mô 2	2019		Kinh tế vĩ mô I
22	Giáo trình kinh tế vi mô 1	2011		Kinh tế vi mô I
23	Toán cao cấp cho các nhà kinh tế	2017		Cơ sở Toán cho các nhà kinh tế 1
24	Xác suất thống kê	2014		Cơ sở Toán cho các nhà kinh tế 2

25	Bài giảng Pháp luật đại cương	2014		Pháp luật đại cương
26	Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế	2006		Nguyên lý thống kê kinh tế
27	Computer networking: A top-down approach fearing the internet (7th edition)	2017		Mạng máy tính
28	Bài giảng Ứng dụng tin học trong kinh tế	2019		Ứng dụng tin học trong kinh tế
29	Giáo trình tin học ứng dụng	2018		Ứng dụng tin học trong kinh tế
30	Giáo trình Kinh tế lượng	2011		Kinh tế lượng căn bản
31	Nhập môn Kinh tế lượng cách tiếp cận hiện đại	2017		Kinh tế lượng căn bản
32	Nguyên lý Kinh tế Nông nghiệp	2009		Nguyên lý kinh tế nông nghiệp
33	Digital Economics: How Information and Communication Technology is Shaping Markets, Businesses, and Innovation	2019		Nguyên lý kinh tế và kinh doanh số
34	Bài giảng Kinh tế chia sẻ	2021		Kinh tế chia sẻ
35	Sharing Economy and Big Data Analytics	2020		Kinh tế chia sẻ
36	Sharing Economy Making Supply Meet Demand	2019		Kinh tế chia sẻ
37	The Rise of the Sharing Economy. exploring the Challenges and Opportunities of Collaborative Consumption	2018		Kinh tế chia sẻ
38	Bài giảng Kinh tế học thông tin	2021		Kinh tế học thông tin
39	Chính phủ điện tử	2010		Chính phủ điện tử
40	Bài giảng môn Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2020		Phương pháp nghiên cứu kinh tế

41	Cẩm nang Nghiên cứu khoa học: Từ Ý tưởng đến công bố	2020		Phương pháp nghiên cứu kinh tế
42	Giáo trình Luật Kinh tế	2015		Đại cương luật thương mại
43	Market Leader Pre - Intermediate Business English Course book, 3rd edition. Pearson Education Limited.	2012		Tiếng Anh chuyên ngành cho Kinh tế
44	Giáo trình kinh tế học tập 1	2017		Kinh tế vi mô II
45	Giáo trình Kinh tế quốc tế	2012		Kinh tế quốc tế
46	Giáo trình Kinh tế công cộng	2004		Kinh tế công cộng
47	Economics of Public Issues	2017		Economics of Public Issues
48	Giáo trình Kinh tế phát triển	2019		Kinh tế phát triển
49	Giáo trình phát triển nguồn nhân lực	2019		Kinh tế và quản lý lao động
50	Giáo trình quan hệ lao động	2016		Kinh tế và quản lý lao động
51	Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực	2011		Kinh tế và quản lý lao động
52	Bài giảng Phân tích dữ liệu lớn ứng dụng trong kinh tế	2021		Phân tích dữ liệu lớn ứng dụng trong kinh tế
53	The Fintech Book - Công nghệ Tài chính dành cho người nhìn xa trông rộng	2021		Công nghệ tài chính (Fintech)
54	Giáo trình Quản lý dự án	2020		Quản lý chương trình dự án
55	Phương pháp phân tích dự án Phát triển	2010		Quản lý chương trình dự án
56	Bài giảng môn học Quản lý rủi ro đầu tư	2020		Quản lý rủi ro đầu tư
57	Giáo trình Kinh tế ngành sản xuất	2010		Kinh tế các ngành sản

				xuất
58	Kinh tế các ngành sản xuất vật chất	1996		Kinh tế các ngành sản xuất
59	Các phương pháp kinh tế nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường	2012		Phân tích lợi ích chi phí căn bản
60	Bài giảng Chuyển đổi số trong nông nghiệp	2021		Chuyển đổi số trong nông nghiệp
61	Giáo trình Quản lý Nhà nước về Kinh tế	2016		Quản lý nhà nước về kinh tế số
62	Các công cụ quản lý kinh tế	2017		Quản lý nhà nước về kinh tế số
63	The state of economics, the state of the world	2020		Quản lý nhà nước về kinh tế số
64	Quản trị marketing	2012		Marketing thương mại điện tử
65	Electronic Commerce	2011		Bảo mật thương mại điện tử
66	Bài giảng Đổi mới và Sáng tạo	2021		Đổi mới và Sáng tạo
67	Giáo trình khởi sự kinh doanh	2020		Khởi nghiệp trong kinh doanh số
68	Bài giảng môn Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2020		Thực hành nghề nghiệp 1 ngành Kinh tế số
69	Big Data and Analytic: Strategic and Organizational Impacts	2015		Thực hành nghề nghiệp 1 ngành Kinh tế số
70	Bài giảng môn Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2020		Thực hành nghề nghiệp 2 ngành Kinh tế số
71	Web Designing with HTML, CSS, Javascript and JQuery Set	2014		Phát triển ứng dụng WEB
72	Search Engine Optimization Bible	2008		Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm

73	Social Media Marketing	2017		Truyền thông và mạng xã hội
74	ICT in Agriculture: Connecting smallholders to knowledge, network and institution	2011		Ứng dụng thông tin trong quản lý và sản xuất nông nghiệp
75	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2019		Thị trường chứng khoán
76	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	2014		Thương mại điện tử căn bản
77	Thương mại điện tử	2011		Thanh toán điện tử
78	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản	2012		Thanh toán điện tử
79	Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty			Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp
80	Bài giảng Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển	2019		Xây dựng Chiến lược và kế hoạch phát triển
81	Giáo trình Chính sách công	2018		Phân tích chính sách
82	Giáo trình Kế hoạch Kinh doanh	2006		Kế hoạch sản xuất kinh doanh
83	Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp	2013		Kế hoạch sản xuất kinh doanh
84	Giáo trình quản lý khoa học và công nghệ	2006		Quản lý khoa học – công nghệ
85	Giáo trình Quản trị công nghệ	2020		Quản lý khoa học – công nghệ
86	Cambridge English Compact Preliminary for schools. Student's book	2013		Tiếng Anh bổ trợ

5.4. Dự kiến kế hoạch đào tạo chung cho toàn khoá học và kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng năm học.

Kế hoạch đào tạo chung cho toàn khoá học:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 132 tín chỉ

- Kiến thức chung trong Học viện: 40 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành: 23 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành: 69 tín chỉ chuyên ngành
- Kiến thức bổ trợ: 4 tín chỉ (2 tín chỉ bắt buộc, 2 tín chỉ tự chọn)
- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 9 tín chỉ

Kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng năm học và học kỳ

Năm học	Học kỳ	TT	Tên học phần	Tên tiếng Anh của HP	Mã học phần	Tổng số TC	LT	TH	Học phần tiên quyết/học phần song hành	Mã học phần tiên quyết/học phần song hành	Loại tiên quyết (1 song hành, 2 học trước, 3 tiên quyết)	BB/TC
1	1	1	Tin học đại cương	Basic Informatics	TH01009	2	2	0				BB
1	1	2	Giao tiếp công chúng	Public Speaking	KT01005	2	2	0				BB
1	1	3	Tiếng Anh bổ trợ	An Introduction to CEFR-based Tests	SN00010	1	1	0				-
1	1	4	Địa lý kinh tế	Geography Economics	KT01000	2	2	0				BB
1	1	5	Kinh tế vi mô I	Microeconomics I	KT02001	3	3	0				BB
1	1	6	Kinh tế vĩ mô I	Macroeconomics I	KT02002	3	3	0				BB
1	1	7	Cơ sở Toán cho các nhà kinh tế 1	Fundamental Mathematics for Economists 1	TH01027	2	2	0				BB
1	1	8	Pháp luật đại cương	Introduction to law	ML01009	2	2	0				BB
1	1	9	Giáo dục thể chất đại cương	General physical education	GT01016	1	1	0				PCBB
1	2	10	Triết học Mác – Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	ML01020	3	3	0				BB
1	2	11	Tiếng Anh 0	English 0	SN00011	2	2	0	Tiếng Anh bổ trợ	SN00010	2	-

1	2	12	Kỹ năng mềm: 90 tiết (chọn 3 trong 7 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập quốc tế, Kỹ năng khởi nghiệp)		KN01001/KN01002/ KN01003/KN01004/ KN01005/KN01006/ KN01007							PCBB
1	2	13	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng		QS01011	3	3	0				PCBB
1	2	14	Giáo dục thể chất (chọn 1 trong 9 học phần: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cơ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)		GT01017/GT01018/ GT01019/GT01020/ GT01021/GT01022/ GT01023/GT01014/ GT01015	1	0	1				PCBB
1	2	15	Cơ sở dữ liệu	Database	TH02001	3	3	0				BB
1	2	16	Mạng máy tính	Computer Networking	TH02038	3	2,5	0,5				BB
1	2	17	Cơ sở Toán cho các nhà kinh tế 2	Fundamental Mathematics for Economists 2	TH01028	2	2	0				BB
1	2	18	Nguyên lý thống kê kinh tế	Principles of Economic Statistics	KT02006	3	3	0				BB
1	2	19	Ứng dụng tin học trong kinh tế	Applied Informatics in Economics	KT02043	2	1,5	0,5				BB
1	2	20	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định	Decision Making and Leadership Skills	KT01008	2	2	0				TC
1	2	21	Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm	Group Working Skills	KT01003	2	1	1				TC
1	2	22	Lịch sử kinh tế thế giới	Economics History	KT01019	2	2	0				TC

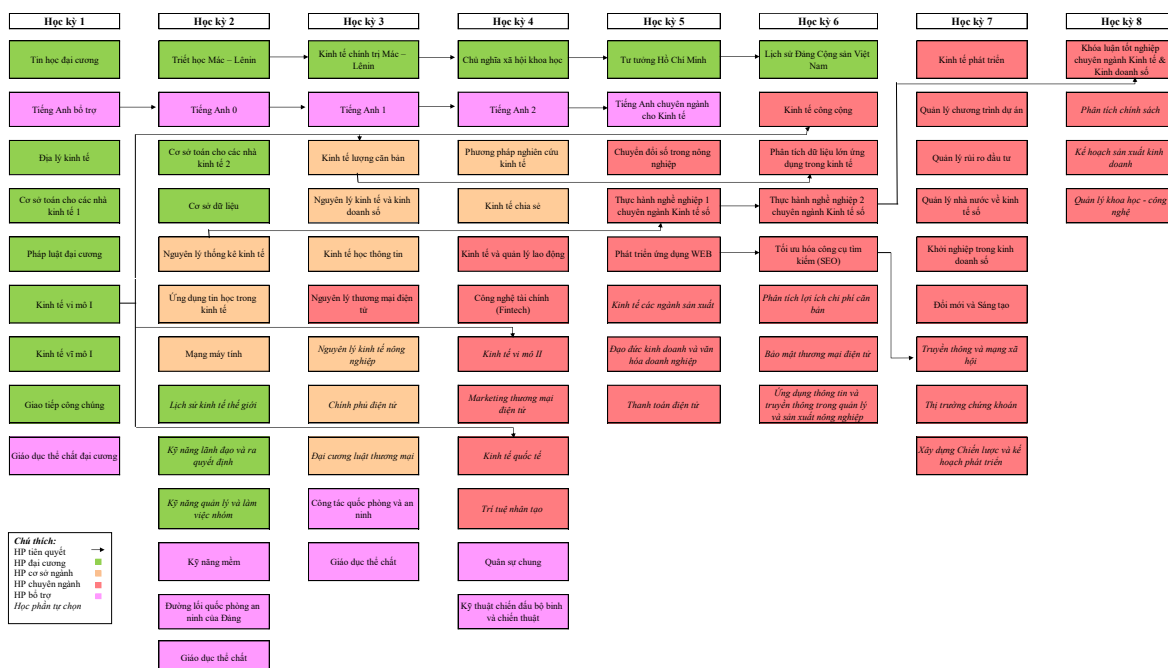
2	3	23	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Political economy of Marxism and Leninism	ML01021	2	2	0	Triết học Mác – Lênin	ML01020	2	BB
2	3	24	Tiếng Anh 1	English1	SN01032	3	3	0	Tiếng Anh 0	SN00011	2	BB
2	3	25	Công tác quốc phòng và an ninh		QS01012	2	2	0				PCBB
2	3	26	Giáo dục thể chất (chọn 1 trong 9 học phần: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cơ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)		GT01017/GT01018/ GT01019/GT01020/ GT01021/GT01022/ GT01023/GT01014/ GT01015	1	0	1				PCBB
2	3	27	Kinh tế lượng căn bản	Basic Econometrics	KT02015	2	2	0	Kinh tế vi mô I	KT02001	2	BB
2	3	28	Nguyên lý kinh tế và kinh doanh số	Principles of Digital economy and business	KT02211	3	3	0				BB
2	3	29	Kinh tế học thông tin	Information Economics	KT02212	3						BB
2	3	30	Nguyên lý thương mại điện tử	Basic of E-Commerce	KQ03331	2	2	0				BB
2	3	31	Nguyên lý kinh tế nông nghiệp	Principles of Agricultural Economics	KT02005	3	3	0				TC
2	3	32	Chính phủ điện tử	E-Government	KQ02312	2	2	0				TC
2	3	33	Đại cương luật thương mại	Commercial Law	ML03057	2	2	0				TC
2	4	34	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	ML01022	2	2	0	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	ML01021	2	BB
2	4	35	Tiếng Anh 2	English 2	SN01033	3	3	0	Tiếng Anh 1	SN01032	2	BB
2	4	36	Quân sự chung		QS01013	2	1,5	0,5				PCBB
2	4	37	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật		QS01014	4	0.3	3.7				PCBB

2	4	38	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	Research Methods in Economics	KT02009	2	2	0				BB
2	4	39	Kinh tế chia sẻ	Sharing economy	KT02213	3						BB
2	4	40	Kinh tế và quản lý lao động	Labor Economics and Management	KT03012	2	2	0				BB
2	4	41	Công nghệ tài chính (Fintech)	Financial technology (Fintech)		3						BB
2	4	42	Marketing thương mại điện tử	E-Commerce Marketing	KQ03428	3	3	0				TC
2	4	43	Kinh tế vi mô II	Micro Economics 2	KT03001	2	2	0	Kinh tế vi mô I	KT02001	2	TC
2	4	44	Kinh tế quốc tế	International Economics	KT03005	2	2	0	Kinh tế vĩ mô I	KT02002	2	TC
2	4	45	Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence	TH03206	3	3	0				TC
3	5	46	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	ML01005	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	BB
3	5	47	Tiếng Anh chuyên ngành cho Kinh tế	English for Economics	SN03056	2	2	0	Tiếng Anh 2	SN01033	1	BB
3	5	48	Chuyển đổi số trong nông nghiệp	Digital transformation in Agriculture	KT03219	3						BB
3	5	49	Thực hành nghề nghiệp 1 ngành Kinh tế số	Internship 1	KT03989	6	0	6	Nguyên lý thống kê kinh tế	KT02006	2	BB
3	5	50	Phát triển ứng dụng WEB	WEB Application Development	TH03109	3	2	1				BB
3	5	51	Kinh tế các ngành sản xuất	Production Sectoral Economics	KT03019	3	3	0				TC
3	5	52	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	Business Ethics and Corporate Culture	KQ03345	2	2	0				TC
3	5	53	Thanh toán điện tử	E-Payment	KQ03431	3	3	0				TC
3	6	54	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vietnamese C P History	ML01023	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí	ML01005	2	BB

									Minh			
3	6	55	Phân tích dữ liệu lớn ứng dụng trong kinh tế	Big data analytics applied in Economics	KT03218	3			Kinh tế lượng căn bản	KT02015	2	BB
3	6	56	Kinh tế công cộng	Public Economics	KT03009	3	3	0	Kinh tế vi mô I	KT02001	1	BB
3	6	57	Thực hành nghề nghiệp 2 ngành Kinh tế số	Internship 2	KT03990	6	0	6	Thực hành nghề nghiệp 1 ngành Kinh tế số	KT03989	2	BB
3	6	58	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO)	Search Engine Optimization	TH03128	2	1,5	0,5	Phát triển ứng dụng WEB	TH03109	2	BB
3	6	59	Phân tích lợi ích chi phí căn bản	Cost Benefit Analysis Basic	KT03083	2	2	0				TC
3	6	60	Bảo mật thương mại điện tử	E-Commerce Security	TH03317	3	3	0				TC
3	6	61	Ứng dụng thông tin và truyền thông trong quản lý và sản xuất nông nghiệp	Applications of ICT in Agricultural Production and Management	PTH03222	2	1,5	0,5				TC
4	7	62	Kinh tế phát triển	Development Economics	KT03028	3	3	0				BB
4	7	63	Quản lý chương trình dự án	Management of Projects and Programs	KT03034	3	3	0				BB
4	7	64	Quản lý rủi ro đầu tư	Risk Management in Investment	KT03050	2	2	0	Kinh tế vi mô I	KT02001	2	BB
4	7	65	Quản lý nhà nước về kinh tế số	State Management of Digital Economy	KT03220	3						BB
4	7	66	Khởi nghiệp trong kinh doanh số	Start-ups in Digital business	KT03222	3						BB
4	7	67	Đổi mới và Sáng tạo	Innovation & Creativity	KT03221	3						BB
4	7	68	Truyền thông và mạng xã hội	Social Media Marketing	TH03129	2	1,5	0,5	Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO)	TH03128	2	TC

4	7	69	Thị trường chứng khoán	Fundamentals of Stock Market	KQ03307	3	3	0				TC
4	7	70	Xây dựng Chiến lược và kế hoạch phát triển	Build Strategy and Plan for Development	KT03103	2	2	0				TC
4	8	71	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế & Kinh doanh số	Bachelor's Thesis of Digital Economy & Business	KT04990	9	0	9	Thực hành nghề nghiệp 2 ngành Kinh tế số	KT03990	2	BB
4	8	72	Phân tích chính sách	Policy Analysis	KT03018	3	3	0				TTKL
4	8	73	Kế hoạch sản xuất kinh doanh	Planning in Production and Business	KT03052	3	3	0				TTKL
4	8	74	Quản lý khoa học - công nghệ	Management of Science and Technology	KT03035	3	3	0				TTKL

Lộ trình đào tạo



5.5. Dự kiến nhu cầu xin thêm biên chế cán bộ giảng dạy và kinh phí ngân sách nhà nước hàng năm.

Hiện tại, Học viện và Khoa đã có đủ nguồn nhân lực tham gia giảng dạy cho chương trình đào tạo ngành Kinh tế số được đề xuất này nên không có nhu cầu xin thêm biên chế cán bộ giảng dạy.

6. Hợp tác, liên kết đào tạo về chương trình xin mở: Không có đơn vị hợp tác, liên kết

7. Hoạch toán thu chi triển khai chương trình đào tạo

Dự kiến các khoản thu, chi; hoạch toán hiệu quả kinh tế và tính bền vững của chương trình đào tạo, gồm:

- Chi phí đào tạo: Theo Quy định chung của Học viện.

- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;

Theo quy định chung của Học viện, học phí với sinh viên chính quy nhóm ngành KHXH và quản lý (Kinh tế, Quản lý đất đai, Kế toán, QTKD, Xã hội học, Ngôn ngữ Anh, ...) là 11,70 triệu đồng/năm (với năm 2019 – 2020). Như vậy, toàn bộ khóa học 4 năm sẽ có mức học phí khoảng 46,80 triệu đồng.

(Ghi chú: Học phí các năm tới sẽ được điều chỉnh theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.)

-Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác;

- Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu học phí, trong đó có phân trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng

- Chính sách học bổng:

Theo chương trình học bổng chung của Học viện, bao gồm:

** Học bổng/du học/đào tạo quốc tế/cơ hội việc làm thêm với:*

- 300 suất học bổng dành cho thí sinh thuộc diện tuyển thẳng;
- 300 suất học bổng dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1;
- 200 suất học bổng dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 2;
- 200 suất học bổng/200 cơ hội bố trí việc làm thêm dành cho thí sinh có hoàn cảnh khó khăn và học bổng hỗ trợ các vùng miền;
- 50 suất học bổng dành cho thí sinh thi THPT đạt điểm cao;
- 1200 cơ hội học tập nước ngoài ngắn hạn và dài hạn;
- 12000 cơ hội việc làm thêm ở các công ty, doanh nghiệp và tại học viện.

** Ưu tiên xét học bổng, du học/đào tạo quốc tế/cơ hội việc làm thêm bao gồm:*

- Thí sinh được tuyển thẳng và thí sinh trúng tuyển vào Học viện theo phương thức 2 xác nhận nhập học ở đợt 1 và đợt 2;
- Thí sinh có kết quả thi THPT quốc gia cao đăng ký xét tuyển vào Học viện và xác nhận nhập học sớm

- Hoạch toán hiệu quả kinh tế, tính bền vững của chương trình đào tạo.

8. Tài liệu tham khảo để viết Đề án

- Tài liệu trong nước

- 1) Quyết định số 999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 12/08/2019: Phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ
- 2) Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03/06/2020: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"
- 3) Website: <https://vietnam.opendevelopmentmekong.net/vi/tag/digital-economy/>

- Tài liệu nước ngoài (trong đó có chương trình đào tạo đầy đủ các nội dung của trường đại học tiên tiến ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị).

- 1) Chương trình đào tạo Ngành kinh tế số và tổ chức, Đại học Nord (Na-uy)
- 2) Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế số, Đại học Brunei Darussalam
- 3) Bộ tiêu chuẩn ASEAN University Network (AUN). Link: <http://aun-qa.org/Guide%20to%20AUN-QA%20Assessment%20at%20Programme%20Level%20Version%204.0.pdf>

9. Các chương trình đào tạo tương tự áp dụng trong 5 năm trở lại đây

(đính kèm đầy đủ nội dung của các chương trình này)

- Chương trình trong nước

- 1) Chương trình đào tạo đại học chuyên ngành Kinh doanh số, trường đại học Kinh tế-Đại học kinh tế quốc dân

- Chương trình nước ngoài

- 1) Chương trình đào tạo Ngành kinh tế số và tổ chức, Đại học Nord (Na-uy)
- 2) Chương trình đào tạo Ngành Kinh tế số, Đại học Brunei Darussalam

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

TRƯỞNG KHOA

